

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/DS-ST

Ngày: 11-9-2024

"V/v Đòi giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Kỳ và bà Phan Thị Huệ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024, về việc: "*Kiện đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2024/QĐST-DS ngày 28/8/2024, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 09/TB-TA ngày 09/9/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thị R, sinh năm 1968; địa chỉ: Bon A, xã B, huyện C, tỉnh Đắc Nông - *Vắng mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thị R: Bà Thị E, sinh năm 1994; địa chỉ: Bon A, xã B, huyện C, tỉnh Đắc Nông (*Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2024*) - *Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Thị R: Ông Nguyễn Văn H – Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Thiên H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắc Nông - *Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Bị đơn: Bà Trần Thị Mộng T, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn D, xã G, huyện C, tỉnh Đắc Nông - *Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Thị T1, sinh năm 1966 - *Vắng mặt;*

- Bà Thị H1, sinh năm 1991 - *Vắng mặt;*

Cùng địa chỉ: Bon A, xã B, huyện C, tỉnh Đắc Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thị H1, bà Thị T1: Bà Thị E, sinh năm 1994; địa chỉ: Bon A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông (*Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2024*) - *Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- Ông Trần Mộng L, sinh năm 1944 và bà Bùi Thị T2, sinh năm 1943; cùng địa chỉ: Thôn D, xã G, huyện C, tỉnh Đắk Nông - *Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Thu O, sinh năm 1984; địa chỉ: Bon A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phía nguyên đơn trình bày:

Bố của bà Thị R là ông Điều Y được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 101587, ngày 18 tháng 10 năm 1995 đối với thửa số 31, tờ bản đồ số 04, thửa đất tọa lạc tại thôn 4, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là Bon A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông).

Ông Điều Y chết năm 2017, bà Thị N là vợ ông Y chết năm 1986. Ông Y và bà N có 03 người con: Bà Thị R, bà Thị T1 và bà Thị T3 (đã chết 2021); Thị T3 có 01 người con là bà Thị H1.

Trong quá trình sử dụng đất, gia đình ông Y có khó khăn về kinh tế nên đã đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cầm cố cho vợ ông Nguyễn Văn P là bà Trần Thị Hạnh P1 (chết năm 2017) để lấy số tiền: 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), thời gian cụ thể cầm vào khi nào gia đình không nhớ và việc cầm cố chỉ bằng miệng không có viết giấy tờ. Số tiền này gia đình ông Y cũng đã trả đủ cho bà P1, nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình chưa lấy về.

Đến khi bà Trần Thị Mộng T khởi kiện gia đình bà R tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông: Yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Điều Y và buộc gia đình trả đất cho bà T, thì gia đình bà R mới biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Điều Y do bà T đang cất giữ và theo lời khai của bà T thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Y bà T có được là do bà R đưa cho bà T vào năm 2016 (theo Biên bản hòa giải ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông). Tuy nhiên, không có việc bà R đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Điều Y cho bà T. Đến khoảng tháng 9 năm 2023, thì bà T đã rút đơn khởi kiện gia đình bà R và được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đình chỉ giải quyết vụ án.

Nay bà R yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Mộng T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 101587 do UBND huyện C cấp ngày 18 tháng 10 năm 1995 cho ông Điều Y đối với thửa số 31, tờ bản đồ số 04, thửa đất tọa lạc tại thôn 4, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (*nay là Bon A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông*) cho bà Thị R.

Theo lời khai của ông L và bà T2 trong quá trình giải quyết vụ án thì hiện nay ông bà đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 101587 của ông Điều Y. Việc chuyển giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 101587 giữa bà T và ông Trần Mộng L, bà Bùi Thị T2 gia đình bà R không biết, không được thông báo trước khi khởi kiện vụ án này. Vì vậy, nay bà R yêu cầu bà T và ông L, bà T2 có trách

nhiệm liên đới trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 101587 của ông Điều Y cho bà R.

Theo bị đơn bà Trần Thị Mộng T trình bày:

Bà T không đồng ý trả lại giấy chứng nhận QSD đất số H 101587 do UBND huyện C cấp ngày 18/10/1995 cho ông Điều Y đối với thửa đất 31, tờ bản đồ 04 theo yêu cầu khởi kiện của gia đình bà Thị R. Toàn bộ thửa đất 31 tại thôn 4, xã B (nay là Bon A, xã B) là của gia đình bà. Nguồn gốc thửa đất này là của bố mẹ bà là ông Trần Mộng L và bà Bùi Thị T2 khai hoang 1981 và đến năm 1989 thì cho bà, khi đó đất chưa được cấp bìa đỏ. Đến năm 2008 thì bà được biết thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Điều Y. Bà đến nhà ông Điều Y yêu cầu trả lại bìa đỏ thì họ nói là bìa đã được cầm cố cho bà Trần Thị Hạnh P1 và họ bảo là hiện tại họ không có tiền chuộc về. Khoảng năm 2009 thì bà đưa 2.000.000 đồng cho bà Thị R để trả cho bà P1 lấy sổ về trả cho bà. Khi bà R mang tiền trả cho bà P1 thì bà có đi cùng nhưng đứng ngoài cổng nhà bà P1 chứ không cùng vào trong nhà. Sau khi lấy sổ đỏ từ bà P1 thì bà R đã đưa sổ đỏ cho bà ngay trước cửa nhà bà P1. Việc bà R đưa sổ đỏ của ông Điều Y cho bà không lập thành văn bản và cũng không có ai làm chứng.

Từ năm 2009 thì năm nào bà cũng yêu cầu bà R đi sang tên sổ đỏ cho bà nhưng bà R không làm. Sau đó, hai gia đình xảy ra tranh chấp. Việc cho đất giữa bố mẹ và bà chỉ là nói miệng chứ không làm giấy tờ tặng cho theo quy định pháp luật, nguồn gốc đất lại là bố mẹ bà khai hoang nên để tiện cho việc giải quyết tranh chấp đất đai thì tháng 3/2024 bà đã trả lại bìa đỏ đứng tên ông Y cho ông L bà T2.

Nay bà không đồng ý trả lại bìa đỏ cho bà R, nếu kết quả giải quyết tranh chấp đất đai mà thửa đất này là của gia đình bà R thì lúc đó bà đồng ý trả bìa.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Mộng L và bà Bùi Thị T2 trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Nguyên nhân bà T trả lại bìa đứng tên ông Điều Y cho vợ chồng ông bà là vì trước đây vợ chồng ông bà có cho bà T thửa đất này nhưng sau đó không biết lý do gì mà đất lại được cấp bìa cho ông Y. Nay ông Y đã chết mà chưa làm thủ tục sang tên cho ông bà. Thửa đất này là do ông bà khai hoang nên việc ông bà đứng ra làm thủ tục cấp lại bìa đỏ hay đứng ra tranh chấp với gia đình bà R hợp lý hơn là để bà T làm. Việc tặng cho giữa ông bà và bà T chỉ nói miệng chứ không làm hợp đồng tặng cho theo quy định pháp luật. Ông bà thống nhất theo ý kiến của bà T là không đồng ý trả bìa đỏ lại cho bà R. Nếu kết quả giải quyết tranh chấp đất đai mà thửa đất này là của gia đình bà R thì lúc đó ông bà đồng ý trả bìa.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị T1, bà Thị H1 là bà Thị E trình bày:

Bà Thị T1 và bà Thị H1 là những người thừa kế di sản của ông Điều Y1 đứng về phía nguyên đơn. Nay bà Thị T1 và bà Thị H1 đề nghị Tòa án buộc bà T, ông L, bà T2 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 101587 do UBND huyện C cấp ngày 18/10/1995 cho ông Điều Y đối với thửa đất 31, tờ bản đồ 04 tại xã B, huyện C,

tỉnh Đắk Nông cho bà Thị R. Bà Thị T1 và bà Thị H1 không có yêu cầu khởi kiện độc lập trong vụ án này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 105, 115, 166 BLDS: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Trần Thị Mộng T và ông Trần Mộng L, bà Bùi Thị T2 liên đới trả lại cho bà Thị R giấy CNQSDĐ số H 101587 ngày 18/10/1995 thuộc thửa đất số 31 tờ bản đồ số 04, do UBND huyện C cấp cho ông Điều Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 101587 do UBND huyện C cấp ngày 18/10/1995 đứng tên ông Điều Y (là bố ruột của nguyên đơn) mà bị đơn đang giữ. Bị đơn có địa chỉ tại thôn D, xã G, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Theo hướng dẫn tại tiêu mục 2 mục 4 Công văn số 02/2021/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là “*Đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’lấp, tỉnh Đắk Nông.

[1.2]. Về xác định tư cách tham gia tố tụng của ông Nguyễn Văn P:

Trong đơn khởi kiện bà Thị R xác định ông Nguyễn Văn P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự và con của ông Nguyễn Văn P là bà Nguyễn Thị Thu O đều khẳng định ông P không liên quan đến việc vay tiền, cầm bìa, trả bìa giữa gia đình ông Điều Y và bà Trần Thị Hạnh P1. Do đó, HĐXX không đưa ông Nguyễn Văn P vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự, người làm chứng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan là bà Thị E, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Mộng L và bà Bùi Thị T2, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người làm chứng vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 2

Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, người làm chứng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông L, bà T2 phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 101587 do UBND huyện C cấp ngày 18/10/1995 đứng tên ông Điều Y (là bố ruột của nguyên đơn) cho nguyên đơn. HĐXX nhận thấy:

Phía nguyên đơn cho rằng sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong quá trình sử dụng do gia đình khó khăn nên ông Điều Y đã mang đi cầm cố cho bà Trần Thị Hạnh P1 lấy 2.000.000 đồng, thời gian cụ thể cầm vào khi nào gia đình không nhớ và việc cầm cố chỉ bằng miệng không có viết giấy tờ. Số tiền này gia đình ông Y cũng đã trả đủ cho bà P1, nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình chưa lấy về. Đến cuối năm 2022 thì gia đình mới biết bị đơn đang giữ bìa đồ do bị đơn khởi kiện tranh chấp đất đai và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với gia đình nguyên đơn tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau đó bị đơn đã rút đơn khởi kiện và vụ án này đã đình chỉ giải quyết. Bị đơn cho rằng nguyên đơn là người trực tiếp đưa bìa đồ cho bị đơn là không đúng sự thật. Việc chuyển giao bìa qua lại giữa bị đơn và bố mẹ bị đơn gia đình nguyên đơn không biết, cũng không được thông báo trước khi khởi kiện vụ án này. Vì vậy, nay yêu cầu bị đơn và bố mẹ bị đơn phải có trách nhiệm liên đới trong việc trả lại bìa đồ của ông Y cho nguyên đơn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thị T1 và bà Thị H1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn cho rằng khoảng năm 2009 bị đơn đưa 2.000.000 đồng cho nguyên đơn để trả cho bà P1 lấy sổ về trả cho bị đơn. Khi nguyên đơn mang tiền trả cho bà P1 thì bị đơn có đi cùng nhưng đứng ngoài công nhà bà P1 chứ không cùng vào trong nhà. Sau khi lấy sổ đồ từ bà P1 thì nguyên đơn đã đưa sổ đồ cho bị đơn ngay trước cửa nhà bà P1 và bị đơn giữ sổ đến tháng 3/2024 thì đã trả bìa đồ đứng tên ông Điều Y1 cho bố mẹ bị đơn là ông L1 bà T1 để ông bà đứng ra giải quyết việc tranh chấp đất đai với gia đình nguyên đơn. Việc nguyên đơn đưa bìa đồ đứng tên ông Điều Y1 cho bị đơn không có chứng cứ gì chứng minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông L và bà T1 thừa nhận hiện đang giữ giấy chứng nhận đứng tên ông Điều Y.

Bị đơn và bố mẹ bị đơn không đồng ý trả bìa đồ lại cho nguyên đơn và cho rằng nếu kết quả giải quyết tranh chấp đất đai giữa hai gia đình mà thửa đất này là của gia đình nguyên đơn thì lúc đó bị đơn và bố mẹ bị đơn mới đồng ý trả bìa.

Tuy nhiên, việc chuyển giao bìa đồ đứng tên ông Điều Y giữa bị đơn và bố mẹ bị đơn không thông báo cho nguyên đơn biết và việc bị đơn và bố mẹ bị đơn giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 101587 do UBND huyện C cấp ngày 18/10/1995 đứng tên ông Điều Y không xuất phát từ giao dịch hợp pháp nào.

[2.2]. Theo Điều 105 Bộ luật Dân sự quy định: “*Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản*”. Điều 166 Bộ luật Dân sự quy định: “*Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật*”. Điều 164 của Bộ luật Dân sự quy định: “*Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”. Bà Thị R là con ruột của ông Điều Y và là người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Y (ông Y đã chết năm 2017) nên có quyền khác đối với tài sản của ông Y. Việc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông L và bà T2 giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 101587 do UBND huyện C cấp ngày 18/10/1995 đứng tên ông Điều Y là không đúng quy định pháp luật, không xuất phát từ giao dịch hợp pháp nào và đã làm cản trở việc thực hiện quyền của người sử dụng đất, quyền khác đối với tài sản của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn có quyền đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Điều Y từ bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông L và bà T2.

[2.3]. Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Mộng L và bà Bùi Thị T2 thì mới đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Mộng L và bà Bùi Thị T2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 105, 115, 164, 166 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị R đối với bà Trần Thị Mộng T, ông Trần Mộng L và bà Bùi Thị T2 về việc “Đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Buộc bà Trần Thị Mộng T, ông Trần Mộng L và bà Bùi Thị T2 có trách nhiệm trả lại cho bà Thị R bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 101587 do UBND

huyện C cấp ngày 18/10/1995 đứng tên ông Điều Y đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ 04 đo đạc năm 1995, thửa đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là tỉnh Đắk Nông).

2. Về án phí: Bà Trần Thị Mộng T, ông Trần Mộng L và bà Bùi Thị T2 phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Thị R 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002534 ngày 25/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'lấp;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lương Thị Xuân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lương Thị Xuân